

Bản án số : 997/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 30/9/2025
V/v : “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Ông Đặng Công Trí

2/- Ông Hoàng Bá Bằng

Thư ký phiên tòa : Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Khu vực 7 - Tp . tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Thu P - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1499/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2357/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2817/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Giảng Trường H.

Địa chỉ : số C đường P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Bà Nguyễn Thị M.

Địa chỉ : số C đường P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Giảng Trường H trình bày : Ông và bà Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01 do UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/02/2006. Trong thời gian chung sống có một con chung là Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007. Khi mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó hai vợ chồng không hợp nhau, không phù hợp quan điểm sống, cách sống, bất đồng ý kiến. Hai bên đã cố gắng hòa giải kết để vợ chồng chung sống nhưng đến nay vẫn không có kết quả, ông và bà M đã sống ly thân, ông xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà M. Về con chung: Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007 đã trưởng thành. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Bà Nguyễn Thị M có gửi bản tự khai ngày 16/7/2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt qua đường bưu điện. Nội dung bản tự khai xác nhận sau khi kết hôn bà và ông H xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn; con chung Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007 đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn ông Giảng Trường H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :* Nguyên đơn ông Giảng Trường H yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại phường A, quận G (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Nguyên đơn ông Giảng Trường H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị M có gửi bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt qua đường bưu điện, nội dung đơn và bản tự khai chưa được chứng thực chữ ký nên Tòa án vẫn tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bà M theo quy định pháp luật; Bà M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01 do UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/02/2006 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Giảng Trường H và bà Nguyễn Thị M là hợp pháp.

[3.1]. *Xét yêu cầu ly hôn :*

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Giảng Trường H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp quan điểm sống, bất đồng ý kiến, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Ông và bà M đã sống ly thân, ông xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

Theo kết quả xác minh của Công an P1, quận G (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bà Nguyễn Thị M có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 3 đường P, Phường A, quận G nhưng không thường xuyên cư trú.

Bà Nguyễn Thị M có gửi bản tự khai ngày 16/7/2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nội dung bản tự khai xác nhận sau khi kết hôn bà và ông H xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn; con chung Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007 đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản tự khai và đơn của bà M được gửi qua đường bưu điện và không có chứng cứ nào thể hiện chữ ký trong đơn là của bà M nên Hội đồng xét xử không xem xét được tính xác thực về nội dung tự khai trên; bà M đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo và quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa mà không có mặt để giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bà M về việc muốn hòa giải và đoàn tụ gia đình với ông H.

Từ những căn cứ trên cho thấy lời khai của ông H là có cơ sở, hai bên đã sống ly thân chứng tỏ vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007 đã trưởng thành.

[3.3]. Về tài sản: các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3.4]. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Giảng Trường H.

- Về quan hệ hôn nhân : ông Giảng Trường H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- *Về con chung*: Giảng Trường Xuân T, sinh ngày 14/02/2007 đã trưởng thành.

- *Về tài sản* : không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. *Về án phí* : Ông Giảng Trường H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0056776 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Giảng Trường H đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo* :

Ông Giảng Trường H và bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-Tp.HCM;
- Phòng THADSKV7- Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo